

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2026

“Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sao Hôm

2. Ông Phạm Văn Chỉ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 205/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về *“Ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/3/1985. Số Căn cước công dân: 030185013294. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 27/12/2024.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1980. Số Căn cước công dân 030080002069. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Ngày cấp: 17/6/2021.

Địa chỉ: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng. Hiện đang lao động tại Liên Bang N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành

phố Hải Phòng) vào ngày 10/11/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K đi làm ăn xa tại Liên Bang N, nhiều năm không trở về nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, không còn tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng từ năm 2019, kể từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị H xác định, chị và anh K không có con chung, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Lưu Thị M là mẹ đẻ anh K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, bà M xác định như chị H đã trình bày. Về quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh K: Sau khi cưới, gia đình bà cho hai vợ chồng chị H, anh K ra ở riêng, đến năm 2019, anh K đi lao động tại Liên Bang N, từ đó gia đình chỉ liên lạc qua điện thoại, còn địa chỉ cụ thể ở đâu tại Liên Bang N thì gia đình không rõ, con trai bà không nói nên gia đình không biết. Gia đình bà cũng động viên anh K về Việt Nam sinh sống, làm việc nhưng anh K không về. Khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh K, bà đã thông báo cho anh K. Khi bà thông báo cho con trai bà (anh K), anh K có nói cho bà về tình cảm vợ chồng giữa anh K và chị H không còn, chị H xin ly hôn, anh K cũng đồng ý. Do con trai bà (anh K) làm việc ở xa không về được theo giấy triệu tập của Tòa án, con trai bà (anh K) đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh K. Các văn bản của Tòa án gửi cho anh K, con trai bà nhờ bà nhận thay và thông báo cho anh K được biết.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đã chấp hành đúng quy định pháp Luật tố

tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng pháp Luật Tố tụng dân sự theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Nguyễn Văn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn D, xã A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng. Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị, bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn chị H, bị đơn anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là xã A, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/11/2015 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì thấy về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh K, cũng như thời gian chấm dứt về quan hệ vợ chồng giữa chị H, anh K là phù hợp với tài liệu chứng cứ đã thu thập, thể hiện: Trong

quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh K đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự thương yêu, quý trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ: Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh K kéo dài, mỗi người một nơi chấm dứt về mặt tình cảm từ nhiều năm nay, cả hai đều không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ được với nhau. Nguyên đơn chị H, xác định tình cảm giữa chị và anh K không còn nên chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh K. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh K là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H, anh K không có con chung, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại Tòa án; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 479; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- **Căn cứ:** Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ:** Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- **1. Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- *Về con chung:* Chị H và anh K không có con chung, không xem xét, giải quyết trong vụ án.

2. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Hải Phòng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0003215 ngày 08/10/2025. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị H, vắng mặt bị đơn anh K. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 – Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Hải Phòng;
- UBND xã An Thành, T.P Hải Phòng (theo GCNKH số 02/2015 ngày 10/11/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh